

Phụ lục số 01**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MỘT SỐ CÂY TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG: LÚA
NÉP CÁI HOA VÀNG, GẮC, GAI XANH, DƯA LƯỚI, RAU BỒ KHAI,
ỚT CAY, SU SU, ĐẬU ĐEN**

(Kèm theo Quyết định số: 14 /2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. ĐỊNH MỨC KỸ THUẬT

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	LÚA NÉP CÁI HOA VÀNG			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Công làm mạ	Công	3	
-	Công làm đất	Công	42	
-	Công cấy	Công	44	
-	Công làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công	55	
-	Công gặt	Công	14	
-	Công vận chuyển, tuốt lúa	Công	22	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	5	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 10 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
2.1	Giống	kg	45	Các chỉ tiêu tương đương cấp xác nhận
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	10.000	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	90	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	100	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	
II	GÁC			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh vườn	Công	5	
-	Công đào hố, bón phân	Công	16	
-	Công trồng	Công	8	
-	Công làm giàn	Công	70	
-	Công làm cỏ, bón phân, đặt bả dụ côn trùng, phun thuốc	Công	28	
-	Công thu hái, vận chuyển	Công	42	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	9	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 5 ha/vụ/người
2	Vật liệu làm giàn (tính cho 01 ha)			
-	Cọc đứng làm giàn	cọc	2.145	Cọc bằng bê tông cốt thép, gỗ đường kính trên 12cm; cọc tre đường kính trên 10cm; cọc dài 2,8 – 3,0m
-	Cây làm giàn	cây	22.500	Cây tre, hóp, vầu, ... đường kính trên 5cm; dài từ 3,5- 4m
3	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
3.1	Giống	cây	350	Cây giâm hom; đường kính hom từ 1,2-2,0 cm; mầm dài từ 8 – 20 cm, mầm mập, khỏe; không sâu, bệnh.
3.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Phân chuồng hoai mục	kg	7.500	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	67	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	35	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	20	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	
III	GAJ XANH			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công	5	
-	Cày, phay đất, rạch hàng	Công	33	
-	Trồng	Công	20	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công	42	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công	42	
-	Tách, phơi vỏ	Công	83	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	9	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 10 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
2.1	Giống			Cây giống cao từ 15-25 cm, đã hình thành củ nhỏ; cây cứng, mập, không sâu bệnh
-	Trồng trên đất bãi, ruộng	cây	23.000	
-	Trồng trên đất đồi	cây	27.000	
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	10.000	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	265	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	210	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
IV	DƯA LUỚI			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công	5	
-	Cày, phay đất	Công	33	
-	Rạch hàng, lên luống	Công	20	
-	Trồng	Công	15	
-	Làm giàn	Công	40	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công	42	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	5	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 03 ha/vụ/người
2	Vật liệu làm giàn (tính cho 01 ha)			
-	Cọc đứng	cọc	1.675	Cọc bằng bê tông cốt thép, gỗ đường kính trên 12cm; cọc tre đường kính trên 10cm; dài trên 3,0m
-	Dây thép	m	6.700	Loại 2,5 – 3,0 mm. (Trường hợp làm bằng tre, hóp đường kính trên 5cm)
-	Dây cheo quả	kg	100	
-	Móc cheo quả	cái	25.000	
3	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
3.1	Giống	cây	25.000	Hạt lai F1
3.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	15.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	135	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	145	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	
3.3	Nilon che phủ đất	kg	200	Khổ rộng 120 -150cm
V	RAU BỒ KHAI			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công	5	
-	Cuốc hốc, bón phân	Công	54	
-	Trồng	Công	30	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công	30	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công	25	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	9	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
2.1	Giống	Cây	6.600	Hom bánh tẻ, đã ra rễ và có ít nhất 1/3 chiều dài rễ đã chuyển màu nâu sáng; mầm dài từ 5 – 10 cm
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	10.000	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	105	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	500	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
VI	ỚT CAY (chỉ thiên và chỉ địa)			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công	5	
-	Cày, phay đất	Công	33	
-	Rạch hàng, lên luống	Công	20	
-	Trồng	Công	15	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công	30	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công	55	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	5	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
2.1	Giống			
-	Bằng hạt giống	kg	0,4	Xác nhận, F1
-	Bằng cây giống	cây	32.000	Cây giống từ 30 – 35 ngày sau gieo. Thân cứng, mập; khoảng cách giữa các lá ngắn, không sâu bệnh hại, có 5-6 lá thật.
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	25.000	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	120	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	150	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	
2.3	Nilon che phủ đất	kg	200	Khở rộng 100-120cm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
VII	SU SU			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công	5	
-	Cày, phay đất	Công	33	
-	Rạch hàng, lên luống	Công	20	
-	Trồng	Công	15	
-	Làm giàn	Công	40	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công	42	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	5	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Vật liệu làm giàn (tính cho 01 ha)			
-	Cọc làm giàn	cọc	2.145	Cọc bằng bê tông cốt thép, gỗ đường kính trên 12cm; cọc tre đường kính trên 10cm; dài 2,8 – 3,0m
-	Cây làm giàn	cây	22.500	Cây tre, hóp, vầu, ... đường kính trên 5cm; dài từ 3,5- 4m
3	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
3.1	Giống	cây	2.500	Quả to, mầm to khỏe mới nhú, đã ra rễ mới
3.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	15.000	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	kg	56	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	
VIII	ĐẬU ĐEN			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất (tính cho 01 ha)			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công	5	
-	Làm đất	Công	33	
-	Trồng	Công	15	
-	Bón phân, làm cỏ, vun gốc	Công	30	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công	37	
-	Phoi, tách vỏ	Công	5	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	tháng	3	- Trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 10 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)			
2.1	Giống	kg	30	Các chỉ tiêu tương đương cấp xác nhận
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	kg	8.000	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	66	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	46	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	72	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	

B. PHƯƠNG PHÁP QUY ĐỔI PHÂN BÓN

1. Quy đổi phân hữu cơ: Tỷ lệ quy đổi 01 kg phân hữu cơ vi sinh tương đương với 10 kg phân chuồng hoai mục.

2. Quy đổi phân vô cơ nguyên chất thành phân đơn.

* Trên thị trường hiện nay phân bón vô cơ phổ biến là các loại: Đạm Urê, supe lân, lân nung chảy, kali clorua. Hàm lượng nguyên chất trong phân thông thường như sau:

- Phân supe lân có hàm lượng P_2O_5 là 16%, quy đổi 01 kg P_2O_5 = 6,25 kg supe lân.
- Phân đạm Urê có hàm lượng N là 46%, quy đổi 01 kg N = 2,17 kg Urê.
- Phân kaliclorua có hàm lượng K_2O là 58%, quy đổi 01 kg K_2O = 1,72 kg kaliclorua.

* Cách quy đổi phân nguyên chất thành phân đơn:

- Phân lân nguyên chất (P_2O_5) thành phân supe lân:

$$(\text{Lượng phân supe lân} = \text{Lượng phân lân nguyên chất (P}_2\text{O}_5) \times 6,25)$$

- Phân đạm nguyên chất (N) thành phân đạm Urê:

$$(\text{Lượng phân đạm Urê} = \text{Lượng phân đạm nguyên chất (N)} \times 2,17)$$

- Phân kali nguyên chất (K_2O) thành phân Kali Clorua:

$$(\text{Lượng phân Kali Clorua} = \text{Lượng phân kali nguyên chất (K}_2\text{O)} \times 1,72)$$

3. **Quy đổi phân vô cơ nguyên chất thành phân tổng hợp** (NPK, NK): Lấy lượng phân nguyên chất cần bón chia cho tỷ lệ phân nguyên chất trong loại phân tổng hợp dự kiến sử dụng sẽ có lượng phân tổng hợp cần bón. Chọn lượng phân tổng hợp có công thức tương đương với khối lượng phân nguyên chất thấp nhất, lượng phân còn thiếu bón bổ sung bằng phân đơn.

Ví dụ: Định mức bón phân 01 ha dưa lưới là 140kg N + 135kg P_2O_5 + 145kg K_2O

Nếu ta lựa chọn loại phân NPK 16-16-8 để sử dụng, thì trong 840 kg phân NPK 16-16-8 sẽ có 135kg P_2O_5 + 135kg N + 67kg K_2O . Như vậy lượng phân P_2O_5 đã đủ định mức theo quy định, lượng N còn thiếu 5kg, lượng K_2O còn thiếu 78 kg cần phải bón bổ sung bằng phân đơn.

Quy đổi: 05 kg N \times 2,17 = 11 kg Urê;

$$78 \text{ kg } K_2O \times 1,72 = 134 \text{ kg kali clorua};$$

Như vậy, 01 ha dưa lưới sẽ bón 840kg NPK16-16-8 + 11kg Urê + 134kg kali clorua
